

T, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 88/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991

Nơi đăng ký HKTT: Xóm G, xã T, huyện T, TP. H

Nơi ở: Số nhà xxx, ngõ xxx đường K, xã T, huyện T, TP. H

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1990

Nơi HKTT và nơi ở: X, xã T, huyện T, TP. H

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm 1 Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc A thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc A có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/02/2015. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc A như sau: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Anh T đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Ngọc A cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Anh Nguyễn Ngọc A được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nhà đất chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0062377 ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Trả lại chị Phạm Thị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014, quyền số 01/2013 ngày 05/9/2013);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Hải

